CHỦ NGHĨA DÂN TỘC LÃNG MẠN VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX: TRƯỜNG HỢP NGUYỄN ĐÌNH THI (1924-2003)

Mai Thị Thu Huyền
Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại và Dân gian, Viện Văn học

Tóm tắt: *Dấu ấn độc đáo của Nguyễn Đình Thi (1924-2003) trong lĩnh vực âm nhạc, triết học, sân khấu và văn chương đã được nhiều nhà nghiên cứu tìm hiểu. Tuy nhiên, đóng góp của cây bút này trong lĩnh vực lý luận, phê bình lại ít được quan tâm. Bài viết tập trung vào một bài phát biểu của Nguyễn Đình Thi trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 - "Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích" - một bài phát biểu không chỉ đáng chú ý ở những vấn đề mà nó đặt ra và cách tác giả lập luận, trình bày quan điểm của mình, mà còn có ý nghĩa tại thời điểm nó ra đời. Đặt bài phát biểu này trong chủ nghĩa dân tộc lãng mạn ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX, bài viết sẽ cho thấy đóng góp của Nguyễn Đình Thi trong việc kiến tạo truyền thống dân tộc và định dạng bản sắc dân tộc Việt Nam.*

Từ khóa*: Định dạng bản sắc dân tộc, hình dung mới về quốc gia/dân tộc, kiến tạo truyền thống dân tộc, tìm kiếm quá khứ khả dụng, tìm về quá khứ.*

Nhận bài ngày 15.03.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.04.2025
Liên hệ tác giả: Mai Thị Thu Huyền; Email: mai.maithithuhuyen@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nguyễn Đình Thi (1924-2003) được đánh giá là một "nhà văn hóa tài năng đặc biệt xuất sắc, luôn thấm nhuần tính cách mạng tiên phong và thấm đẫm tính hồn cốt của dân tộc trong sáng tạo và cuộc sống" [1]. Tài năng độc đáo của ông được thể hiện trên nhiều lĩnh vực - âm nhạc, triết học, sân khấu, văn chương, lý luận phê bình - qua nhiều thời kỳ: trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, trong thời gian diễn ra hai cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), và sau khi hòa bình lập lại, đất nước thống nhất (1975 - nay). Những trước tác nổi bật của Nguyễn Đình Thi như sáu công trình triết học *Triết học nhập môn*, *Triết học Kant*, *Triết học Nietzsche*, *Triết học Einstein*, *Triết học Descartes*, *Siêu hình học* (đều xuất bản năm 1942), *Diệt phát xít* (nhạc, 1945), *Người Hà Nội* (nhạc, 1947), *Xung kích* (tiểu thuyết, 1951), *Bài thơ Hắc Hải* (thơ, 1958), *Rừng trúc* (kịch, 1961), *Vỡ bờ* (tiểu thuyết, 1962 & 1970), *Dòng sông trong xanh* (thơ, 1974), *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* (kịch, 1978), *Trương Chi* (kịch, 1983) không chỉ được công chúng yêu thích mà còn thu hút sự quan tâm của giới học thuật với những đánh giá cao về sự hòa hợp giữa "chất anh hùng ca, tình ca, vừa sôi nổi hùng tráng, vừa thiết tha trữ tình", "vốn văn hóa sâu rộng", "ý thức đi tìm cái mới, ý thức tìm tòi sáng tạo trong nội dung cũng như hình thức" (Hà Minh Đức) [2, tr.33, 36], một thế giới kịch "như hư như thật" (Tất Thắng) [dẫn theo 2, tr.29]. Mặc dù vậy, so với các lĩnh vực khác, những đóng góp của Nguyễn Đình Thi ở lĩnh vực lý luận phê bình chưa được nhiều nhà nghiên cứu chú ý đến. Trong bài viết này, chúng tôi muốn tập trung vào một bài phát biểu của Nguyễn Đình Thi trong một ngày hội dành cho sinh viên trước Cách mạng tháng Tám năm 1945: "Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích". Ra đời vào năm 1944, bài phát biểu này sau đó được tác giả đưa vào tập phê bình - tiểu luận *Mấy vấn đề văn học* (1956) [3]. So với những tiểu luận khác trong cùng tập sách như: "Kịch *Bắc Sơn*" (1946), "Nhận đường" (1948), "Quần chúng phê

bình nghệ thuật" (1950) và các tập tiểu luận khác của chính Nguyễn Đình Thi như *Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ hiện nay* (1957) và *Công việc của người viết tiểu thuyết* (1964), "Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích" gần như chưa được giới nghiên cứu đề cập đến[1]. Tuy nhiên, như bài viết sẽ cho thấy, "Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích" không chỉ đáng chú ý ở những vấn đề mà nó đặt ra và cách tác giả lập luận, trình bày quan điểm của mình, mà còn có ý nghĩa tại thời điểm mà nó ra đời, khi một bộ phận trí thức Việt Nam cổ vũ tinh thần yêu nước thông qua con đường quay trở về với văn hóa/ văn học thời quá khứ và bắt nhịp vào xu hướng chung ở các quốc gia thuộc địa hoặc đã từng trải qua thời kỳ thuộc địa: chủ nghĩa dân tộc lãng mạn (romantic nationalism). Đặt tiểu luận này trong chủ nghĩa dân tộc lãng mạn ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX, bài viết sẽ cho thấy những đóng góp của Nguyễn Đình Thi khi còn là một thanh niên sôi nổi và nhiệt thành tham gia Hội Văn hóa Cứu quốc.

2. NỘI DUNG

2.1. Chủ nghĩa dân tộc lãng mạn ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX

Chủ nghĩa dân tộc lãng mạn, như định nghĩa của William A. Wilson trong tiểu luận *Herder, Folklore and Romantic Nationalism* (1973), là phong trào mà "các trí thức ái quốc nhiệt thành tìm kiếm những ghi chép dân gian thời quá khứ, không phải để xem ngày trước, người ta đã sống như thế nào (vốn là mối quan tâm chính của những người hiếu cổ) mà chủ yếu là để khám phá những hình mẫu 'lịch sử' mà có thể dựa vào đó để định dạng lại hiện tại và kiến tạo tương lai" [4, tr.819]. Cũng trong tiểu luận này, W.A. Wilson đã chỉ ra sự khác biệt giữa chủ nghĩa dân tộc lãng mạn và chủ nghĩa dân tộc tự do (liberal nationalism), đó là "chủ nghĩa dân tộc lãng mạn nhấn mạnh vào cảm xúc và bản năng (thay vì lý trí), vào sự khác biệt của dân tộc (thay vì những khát vọng chung), và hơn hết, vào việc kiến tạo dân tộc dựa trên các truyền thống và những huyền thoại của thời quá khứ - tức là dựa vào văn hóa dân gian - thay vì những thực tế chính trị của thời hiện tại" [4, tr.820]. Nói cách khác, chủ nghĩa dân tộc lãng mạn hướng đến tìm kiếm những "quá khứ khả dụng" (usable pasts)[2] trong văn hóa dân gian để phục vụ cho việc kiến tạo dân tộc ở thời hiện tại. Johnn Gottfried Herder (1744-1803) được xem là "người có trách nhiệm cao nhất trong việc khai sinh ra chủ nghĩa dân tộc lãng mạn" [4, tr.820] khi ông lên tiếng kêu gọi người Đức quay về với văn hóa dân gian, đặc biệt là các bài ca dân gian, vì đó là nơi chứa đựng và lưu giữ dấu ấn của tâm hồn Đức. Nối tiếp Herder, hai anh em Jacob Grimm (1785-1863), Wilhelm Grimm (1786-1859) và nhiều người khác cũng xây dựng hình ảnh dân tộc Đức từ các truyện cổ, bài ca, tục ngữ hay các phong tục thuần phác của Đức để gây dựng niềm tự tôn dân tộc cho người Đức và kéo họ ra khỏi ảnh hưởng của người Pháp đang nắm quyền cai trị nước Đức lúc bấy giờ. Như W.A. Wilson chỉ ra, những hạt giống của chủ nghĩa dân tộc mà Herder gieo trồng đã đơm hoa kết trái ở nhiều vùng đất, chẳng hạn Trung và Đông Âu, hay các nước thuộc địa ở châu Á và châu Phi.

---

[1] Trong bài viết mang tính chất khái quát của Hà Minh Đức về sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Thi, những tiểu luận, phê bình của Nguyễn Đình Thi không được phân tích kĩ lưỡng như các sáng tác thơ, kịch và tiểu thuyết của cây bút này. "Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích" được nhắc đến trong đúng một câu văn thâu tóm đại ý của tiểu luận này [2].

[2] Khái niệm "quá khứ khả dụng" (usable past), theo chỉ dẫn của Raphael Utz (2005), có thể truy nguyên về tiểu luận "Vom Nutzen und Nachteil der Historie für das Leben" [On the Uses and Disadvantages of History for Life/ Về công dụng và bất cập của lịch sử đối với cuộc sống] (1874) của F. Nietzche (1844-1900) [15, tr.628]. Trong tiểu luận này, Nietzche cho rằng không thể nhìn lịch sử mà không qua bất cứ một màng lọc nào và trên thực tế, bắt buộc phải giải cấu trúc và tái cấu trúc lịch sử nếu như việc đó đem lại lợi ích về mặt chính trị. Về sau, "quá khứ khả dụng" thường được dùng để mô tả "cuộc tìm kiếm những gì đã diễn ra trong lịch sử mà có thể dẫn dụng để hợp thức hóa và ổn định hóa chế độ mới" [5, tr.628].

Việt Nam thời thuộc địa (nửa cuối thế kỷ XIX - 1945) không phải là ngoại lệ. Sự xâm lược và đô hộ của thực dân Pháp, sau đó là đế quốc Nhật, đã khiến chủ nghĩa dân tộc trỗi dậy ở Việt Nam với nhiều chủ trương, xu hướng và phong trào đấu tranh [6]. Trong số đó, có xu hướng quay trở lại với văn hóa – nghệ thuật dân gian của Việt Nam. Như Nguyễn Mạnh Tiến đã chỉ ra trong tham luận "Quốc gia hiện lên từ cổ tích" (2022), truyện kể dân gian và đặc biệt là các bài ca bình dân, phong tục và các sinh hoạt ở thôn quê là những chất liệu chủ đạo mà các trí thức Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XX hệ thống hóa, khai thác và trưng dụng nhằm định dạng Việt Nam và dựng xây văn minh Việt Nam [7]. Tuyển tập *Truyện cổ nước Nam* (1934) của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc có thể được xem như ví dụ tiêu biểu nhất cho khuynh hướng này, vì ngay từ lời mào đầu của tuyển tập, Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc đã khẳng định truyện cổ chính là nơi thể hiện "tinh thần người Nam" và "tinh hoa nước Nam" [8, tr.ix-x]. Không tiếc công phu và thì giờ để góp nhặt những câu chuyện cổ và coi đó như "một cái nghĩa vụ thiêng liêng đối với quá nửa phần văn chương của nước nhà" nhằm nhắc nhở những người Việt Nam đang sống dưới ách cai trị của thực dân Pháp rằng "ta là ta, không phải là ai" [8, tr.xiii-ix], Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc khẳng định rằng những truyện trong tuyển tập này "là của riêng của nước Nam, tự người Nam sáng tác, xuất sản ra, chớ không phải đi vay, đi mượn, nhờ vả ai mà được", bởi "không có mấy truyện là không hàm một, đôi câu thành ngữ, hay sáo ngữ, ca hát hay phong dao bằng tiếng Nam, nghĩa là một thứ tiếng riêng nó làm cho nước Nam mới thật là nước Nam vậy" [8, tr.ii-iii]. Hai trường hợp khác cũng cho thấy khuynh hướng ấy là *Sự tích mười tám đời Hùng Vương* (1923) của Nguyễn Đạo Quán và *Lược luận về phụ nữ Việt Nam* (1944) của Lê Văn Hòe. Trường hợp đầu tiên, theo đánh giá của nhà nghiên cứu Nguyễn Mạnh Tiến, không phải là một cuốn sách sưu tầm các truyện cổ dân gian thông thường, mà "chứa đựng ý đồ củng cố kết nối thân tộc tưởng tượng của người Nam về một quốc tổ chung, mà nhân dân anh em trong nước vì thế đều là người trong một 'quốc tộc'" [7, tr.10-11]. Trường hợp thứ hai hướng đến việc làm rõ vị trí và vai trò của phụ nữ Việt Nam trong văn hóa và lịch sử Việt Nam, nhưng nó cũng nằm trong khuynh hướng trưng dụng chất liệu dân gian để định dạng dân tộc vì những tư liệu được Lê Văn Hòe khai thác là truyện cổ tích, phong dao, ngạn ngữ, truyện thơ Nôm lưu truyền trong dân gian và các tư liệu lịch sử, và trong số đó, có những tư liệu được tác giả hình dung là sự phản ánh tinh thần và cốt cách của dân tộc, chẳng hạn truyện cổ tích. Theo Nguyễn Mạnh Tiến, sự hiện diện của những diễn ngôn mang tinh thần dân tộc chủ nghĩa gắn với việc khai thác, sử dụng chất liệu dân gian ở Việt Nam trong ba ví dụ trên đây chính là biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc lãng mạn ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX khi những trí thức bị cai trị có ý thức về sự tự chủ và tìm kiếm sự tự chủ về mặt văn hóa trong tình thế thuộc địa. Trong công cuộc tìm kiếm đó, họ nhận ra folklore là chất liệu phù hợp vì gốc gác cổ xưa của nó có thể được vận dụng vào việc kiến tạo căn cước Việt Nam và khẳng định một nền văn hóa bản địa đã có từ trước khi Việt Nam bị những kẻ ngoại lai xâm lược và chiếm đoạt.

Kì thực, chủ nghĩa dân tộc lãng mạn ở Việt Nam nửa đầu thế XX không chỉ gói gọn trong ba ví dụ mà Nguyễn Mạnh Tiến (2022) đã phân tích, mà còn thể hiện trong nhiều trường hợp khác, chẳng hạn bài phát biểu "Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích" vào năm 1944 của Nguyễn Đình Thi. Phần tiếp theo của bài viết sẽ làm rõ điều đó.

2.2. Chủ trương tìm về quá khứ của Nguyễn Đình Thi

Theo chú thích của Nguyễn Đình Thi trong bản in năm 1956, "Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích" ra đời vào đầu năm 1944 khi Hội Văn hóa Cứu quốc đã chuyển vào hoạt động bí mật. Tại thời điểm ấy, "bọn phát xít Pháp Nhật tuyên truyền 'Cách mạng quốc gia', tinh thần chủng tộc, chủ nghĩa 'Đại Đông Á'. Chúng đưa ra danh từ quốc gia, dân tộc để đánh lừa thanh niên và khuyến khích những xu hướng tôn sùng quá khứ,